

Số: 423/QĐ-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ ban hành theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 4361/QĐ-BCT ngày 16 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 26/NQ-HĐT ngày 06/11/2023 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ vào quá trình thực tế tổ chức đào tạo đại học của Nhà trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ ban hành theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHCNQN ngày 05 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6, khoản 8 Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Đối với mỗi hình thức đào tạo, chương trình đào tạo cần cung cấp kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa để định hướng cho sinh viên.

a. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy phải phù hợp với thời gian quy định trong Khung cơ cấu hệ thống giáo

dục quốc dân, đồng thời đảm bảo đa số sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo trình độ đại học chính quy đối các ngành đào tạo của trường như sau:

- Chương trình đại học đào tạo theo hình thức chính quy đối với các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư, thời gian đào tạo là 4,5 năm;

- Chương trình đại học đào tạo theo hình thức chính quy đối với các ngành đào tạo đại học cấp bằng cử nhân, thời gian đào tạo là 4 năm;

- b. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo. Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với hình thức đào tạo đại học vừa làm vừa học đối với các ngành đào tạo như sau:

- Chương trình đại học đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học đối với các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư, thời gian đào tạo là 5,5 năm;

- Chương trình đại học đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học đối với các ngành đào tạo cấp bằng cử nhân, thời gian đào tạo là 5 năm”

- b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học bằng 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo.

- c) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo thực hiện trong toàn trường với khối lượng học tập tối thiểu của một chương trình đào tạo trình độ đại học phải phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, cụ thể như sau:

- a. Đối với các chương trình đào tạo đại học cấp bằng kỹ sư khối lượng học tập tối thiểu: 150 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành;

- b. Đối với các chương trình đào tạo đại học cấp bằng cử nhân khối lượng học tập tối thiểu: 120 tín chỉ, cộng với khối lượng giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định hiện hành”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 3 như sau:

“1. Đề cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ, đầy đủ chi tiết các nội dung: Tên đề cương chi tiết học phần, mã học phần, số tín chỉ, số tiết của từng nội dung trong học phần, Khoa, Bộ môn quản lý học phần, giảng viên giảng dạy học phần, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu của học phần, chuẩn đầu ra học phần, mô tả tóm tắt nội dung học phần, cấu trúc nội dung học phần, nội dung chi tiết bố trí theo từng tuần, phương pháp giảng dạy, nhiệm vụ của sinh viên, đánh giá kết quả học tập của sinh viên, tài liệu học tập, tài liệu tham khảo.



2. Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh ban hành quy định về quy trình xây dựng, cập nhật Đề cương chi tiết học phần và ký ban hành Đề cương chi tiết học phần để các đơn vị triển khai thực hiện trong toàn trường”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 3 Điều 4 như sau:

“1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Trong chương trình đào tạo bố trí phần lớn học phần có khối lượng từ 3 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Đối với những học phần thực hành, thực tập, đồ án/khoá luận tốt nghiệp bố trí khối lượng lớn hơn 4 tín chỉ. Riêng khối lượng thực tập đối với các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư bố trí tối thiểu 8 tín chỉ. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng gọi là mã học phần”

“3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Đối với hoạt động trên lớp, một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ giảng lý thuyết; 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp”.

“4. Một giờ giảng trên lớp theo tín chỉ được tính bằng 50 phút”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 8 như sau:

“5. Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh tổ chức triển khai đào tạo đại học các ngành để cấp bằng cho sinh viên theo khoá học, năm học và học kỳ.

a. Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Khoá học tại Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đối với đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và trình độ đại học hệ vừa làm vừa học được thực hiện theo khoản a, khoản b Điều 1 của Quyết định này

b. Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 5 tuần ôn, thi kết thúc học phần của học kỳ

c. Căn cứ điều kiện cụ thể, Nhà trường có thể tổ chức thêm kỳ học phụ để sinh viên có điều kiện được học lại, học bù, học cải thiện điểm hoặc học vượt. Việc tổ chức thêm kỳ học phụ căn cứ vào kết quả tuyển sinh, quy mô đào tạo, số lượng sinh viên đăng ký học. Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét quyết định kỳ học phụ. Học kỳ phụ có ít nhất 4 tuần thực học và 1 tuần thi.

d. Trong trường hợp không thể tổ chức kỳ học phụ do công tác tuyển sinh số lượng sinh viên không đủ để mở các lớp học phần. Để giải quyết nguyện vọng học của sinh viên được học lại, học bù, học cải thiện điểm hoặc học vượt tiến độ. Nhà trường sẽ xem xét xây dựng phương án tổ chức các lớp học riêng cho sinh viên. Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng xem xét quyết định mở lớp học riêng cho sinh viên cho phù hợp với điều kiện thực tế của Nhà trường.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“1. Sinh viên học theo tín chỉ phải đăng ký các học phần dự định sẽ học trong học kỳ, bao gồm: những học phần mới, học phần chưa đạt (để học lại) và học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) trên cơ sở danh sách những học phần được mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần.

2. Cố vấn học tập có trách nhiệm định hướng, hướng dẫn việc đăng ký học tập cho từng sinh viên đảm bảo theo đúng tiến trình của chương trình đào tạo. Sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ trên phần mềm quản lý đào tạo của trường, thời gian thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ 2 tuần.

3. Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

a. Khối lượng tối thiểu không ít hơn $\frac{2}{3}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

b. Khối lượng tối đa không vượt quá $\frac{3}{2}$ khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

c. Không quy định khối lượng học tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ hoặc ở kỳ học riêng. Nhưng khối lượng đăng ký ở học kỳ phụ hoặc kỳ học riêng tối đa không vượt quá 7 tín chỉ. Trong trường hợp đặc biệt vượt quá 7 tín chỉ, các Khoa đề xuất, Phòng Đào tạo tổng hợp trình Hiệu trưởng xem xét quyết định”.

c. Không quy định khối lượng học tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ. Nhưng khối lượng đăng ký ở học kỳ phụ tối đa không vượt quá 6 tín chỉ.

4. Sinh viên đang trong thời gian bị xếp loại học lực yếu, kém chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a. Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b. Phát huy vai trò chủ động, đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường; nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác đào tạo của Nhà trường;

c. Chủ động và tăng cường công tác thanh tra, giám sát nội bộ theo từng học kỳ. Đồng thời có kế hoạch cải tiến chất lượng dựa trên số liệu thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

2. Phân công giảng viên giảng dạy các lớp học phần theo từng kỳ

Căn cứ vào chương trình đào tạo và kế hoạch tiến độ đào tạo của từng ngành, từng khoá. Trước mỗi học kỳ Phòng Đào tạo rà soát, tổng hợp các học phần để cho sinh viên đăng ký học trong kỳ. Trên cơ sở các học phần được mở trong học kỳ, các Bộ môn tổ chức phân công đề xuất giảng viên giảng dạy đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

Sau khi Bộ môn đề xuất danh sách phân công giảng viên giảng dạy các lớp học phần, Phòng Đào tạo tổ chức xây dựng thời khoá biểu giảng dạy các lớp trong toàn trường trình Hiệu trưởng phê duyệt để các giảng viên thực hiện.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên được phân công giảng dạy

a. Trách nhiệm của giảng viên

- Thực hiện lên lớp theo đúng Thời khoá biểu lịch phân công giảng dạy của Nhà trường. Giảng viên phải nghiên cứu kỹ, phải nắm chắc, hiểu rõ tất cả các nội dung của Đề chương chi tiết học phần. Thường xuyên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy.

- Trước khi lên lớp, giảng viên được giao nhiệm vụ giảng dạy phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu được quy định trong Hồ sơ giảng dạy và chuẩn bị kỹ, chu đáo nội dung bài giảng. Bài giảng của giảng viên phải được Bộ môn thẩm duyệt, thông qua và phải được Trưởng Bộ môn ký duyệt mới sử dụng để giảng dạy. Từng buổi học giảng viên phải theo dõi, điểm danh, cập nhật chính xác sĩ số người học để đánh giá quá trình học tập của người học theo đúng quy định.

- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra, đánh giá quá trình học của sinh viên đảm bảo sự chính xác, công bằng, khách quan và đảm bảo chất lượng đào tạo. Tích cực tham gia dự giờ của các giảng viên khác trong và ngoài đơn vị để tích lũy kinh nghiệm nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị bài giảng.

- Có trách nhiệm thường xuyên cập nhật, bổ sung, hoàn thiện kiến thức chuyên môn. Đồng thời, khắc phục kịp thời những hạn chế, thiếu sót trong công tác giảng dạy và trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy được giao. Chủ động phối hợp với các đơn vị trong trường để các đơn vị việc thực hiện nhiệm vụ trong công tác thanh kiểm tra theo đúng quy định.

- Trong quá trình giảng dạy phải cập nhật và nâng cao chất lượng bài giảng, truyền đạt kiến thức cho sinh viên, xây dựng và phát triển chương trình giảng dạy nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Ngoài công tác giảng dạy, giảng viên còn có trách nhiệm tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công trình nghiên cứu phục vụ cho chuyên môn và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

b. Giảng viên có quyền

Giảng viên có quyền tự do trong việc lựa chọn phương pháp giảng dạy và phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo, đảm bảo chất lượng đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo. Được tham gia các khóa học, chương trình bồi dưỡng, nâng cao kiến thức để cải thiện và phát triển kỹ năng giảng dạy, kiến thức về chuyên môn. Giảng viên được trang bị các phương tiện và điều kiện làm việc tốt để phục vụ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu. Tham gia vào các cuộc họp, hội thảo, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng các quy chế, quy định và phát triển chương trình đào tạo của nhà trường.

4. Dạy và học trực tuyến:

a. Nhà trường sẽ tổ chức các lớp học theo phương thức trực tuyến khi đã đáp ứng đủ các yêu cầu của các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng. Đồng thời, đã có các giải pháp đảm bảo chất lượng để minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức trực tuyến không thấp hơn chất lượng lớp học theo phương thức trực tiếp;

“b. Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, việc dạy và học trực tuyến của Nhà trường sẽ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo”;

c. Căn cứ vào chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên và điều kiện cụ thể của Nhà trường khi đã đáp ứng đủ các yêu cầu về: Hệ thống công nghệ thông tin, và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng; bài giảng, giáo trình; tài liệu, học liệu học tập cho sinh viên ... Trường các Khoa quản lý các ngành, chuyên ngành lựa chọn và đề xuất Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo) danh sách những học phần trong chương trình đào tạo để tổ chức dạy và học trực tuyến đảm bảo khối lượng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này;

d. Trên cơ sở danh sách đề xuất các học phần dạy và học trực tuyến của các Khoa. Phòng Đào tạo tổ chức rà soát, tổng hợp và trình Hiệu trưởng phê duyệt để triển khai thực hiện trước khi vào năm học mới ít nhất 01 tháng.

5. Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng có trách nhiệm xây dựng quy định việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp trong toàn trường và tổ chức công khai ý kiến phản hồi của người học, bao gồm nội dung, mức độ và hình thức công khai”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“1. Lớp học chuyên ngành được tổ chức theo khóa tuyển sinh và theo chuyên ngành đào tạo mà sinh viên đăng ký theo học, duy trì trong cả khóa học, có hệ thống cán bộ lớp để thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường.

2. Lớp học học phần (lớp học phần) được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

3. Cố vấn học tập: Mỗi lớp chuyên ngành có một giảng viên được giao nhiệm vụ là cố vấn học tập làm nhiệm vụ quản lý và tư vấn học tập cho sinh viên trong lớp. Trong trường hợp đặc biệt, nếu lớp chuyên ngành ít sinh viên, có thể bố trí cố vấn học tập quản lý ghép một số lớp chuyên ngành ở trong cùng Khoa cho phù hợp với thực tế. Tổ chức hoạt động của lớp chuyên ngành, vai trò, nguyên tắc hoạt động,

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cố vấn học tập được ghi cụ thể trong Quy định công tác Cố vấn học tập của Nhà trường”.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1 và điểm c khoản 5 Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi điểm b, khoản 1

“b. Đối với các học phần thực hành: Mỗi tín chỉ thực hành có một bài kiểm tra tương ứng. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành nhân với hệ số 0,5 cộng với điểm chuyên cần nhân với hệ số được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành theo quy định. Nếu sinh viên nghỉ quá 30% trên tổng số tiết học phần thực hành thì phải nhận điểm 0 và phải đăng ký học lại học phần thực hành đó.

Cách tính điểm học phần thực hành được thực hiện theo công thức như sau:

$$\text{Điểm học phần thực hành} = CC \times 0,5 + \frac{(KT_1 + KT_2 + \dots + KT_n)}{n} \times 0,5$$

Trong đó:

- CC: Điểm chuyên cần
- KT1: Điểm bài kiểm tra thực hành số 1
- KT2: Điểm bài kiểm tra thực hành số 2
- KTn: Điểm bài kiểm tra bài thực hành số n
- n: Số bài thực hành

b) Bổ sung thêm điểm e vào khoản 1 như sau:

“e. Đối với học phần Đồ án/Khoá luận tốt nghiệp:

Điểm học phần đồ án/Khoá luận tốt nghiệp là điểm trung bình cộng điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn + điểm đánh giá của giảng viên phản biện + điểm trung bình của từng thành viên trong Hội đồng bảo vệ và đánh giá đồ án/KLTN. Cách tính điểm thực hiện theo khoản 3 mục 14 (Sửa đổi, bổ sung Điều 22) của quy định này.

c) Sửa đổi điểm c, khoản 5 như sau:

“c. Sinh viên chỉ được phép dự thi kết thúc học phần một lần. Nếu sinh viên có điểm học phần không đạt thì không được phép thi lại. Sinh viên phải đăng ký học lại học phần đó vào học kỳ kế tiếp hoặc đăng ký học vào học kỳ phụ (nếu có), hoặc đăng ký học riêng khi nhà trường mở các lớp học riêng theo quy định”.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 như sau:

“1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi chính dành cho những sinh viên tham gia tối thiểu 70% số tiết học trên lớp có sự hướng dẫn của giảng viên. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên vắng thi không tham dự kỳ thi chính, nhưng có lý do chính đáng. Kỳ thi phụ được tổ chức muộn nhất là hai tuần sau kỳ thi chính”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 5, khoản 6 Điều 16 như sau:

“5. Giảng viên giảng dạy học phần có trách nhiệm nhập các điểm đánh giá bộ phận (điểm chuyên cần, điểm kiểm tra thường kỳ) vào phần mềm quản lý đào tạo. Trợ lý Khoa có trách nhiệm nhập điểm thi kết thúc học phần vào hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai giảng viên chấm thi và làm thành ba bản. Một bản lưu tại Bộ môn, một bản lưu tại Khoa và một bản gửi về Phòng Đào tạo của trường (bản gốc), thời gian chậm nhất gửi kết quả và công bố điểm thi cho sinh viên là một tuần kể từ ngày tổ chức thi.

6. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như vắng thi và phải nhận điểm 0. Những sinh viên này phải đăng ký học lại ở học kỳ kế tiếp hoặc tại các kỳ học phụ (nếu có), hoặc kỳ học riêng”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 19 như sau:

“3. Chậm nhất là 01 tuần sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường sẽ thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp sinh viên có nhu cầu học ở các chương trình đào tạo vừa làm vừa học tương ứng của trường, thì những sinh viên thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại khoản 2 của Điều này được quyền xin (làm đơn) xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đã tích lũy đối với từng trường hợp cụ thể”.

12. Bổ sung thêm khoản 1 vào Điều 20 như sau:

“1. Quy trình, thủ tục công nhận kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được thực hiện theo Quy định hiện hành của Nhà trường. Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng và ban hành Quy định công nhận chuyển đổi điểm cho người học đảm bảo chặt chẽ, khách quan, minh bạch và thuận lợi cho các đơn vị khi triển khai thực hiện.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp đảm bảo theo tiến độ trong chương trình đào tạo của trường.

2. Đồ án, khoá luận tốt nghiệp có khối lượng từ 7 đến 9 tín chỉ (tùy theo chương trình đào tạo đại học tốt nghiệp cấp bằng cử nhân hay bằng kỹ sư).

3. Nội dung, hình thức, thời gian, quy trình thực hiện làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp cho sinh viên và nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn, trách nhiệm của Bộ môn, Khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được

thực hiện theo Quy định hiện hành về điều kiện, hình thức và thời gian làm khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh”.

4. Tuy vào thực tế, Nhà trường có thể bố trí thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập cuối khoá (thực tập tốt nghiệp) cho sinh viên”.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 22 như sau:

“1. Danh sách tên đề tài và giảng viên hướng dẫn sinh viên làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp do các Khoa đề xuất (thông qua Phòng Đào tạo) để trình Hiệu trưởng quyết định giao đề tài kèm theo danh sách giảng viên hướng dẫn đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên thực hiện theo đúng quy định của Nhà trường

2. Các Khoa đề xuất danh sách thành lập Hội đồng bảo vệ và đánh giá đồ án/Khoá luận tốt nghiệp qua Phòng Đào tạo. Phòng Đào tạo tổng hợp, rà soát và tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành Quyết định thành lập Hội đồng bảo vệ và đánh giá đồ án/Khoá luận tốt nghiệp cho sinh viên. Điểm của đồ án, khóa luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm chữ. Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Điểm học phần đồ án/Khoá luận tốt nghiệp: là điểm trung bình cộng điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn + điểm đánh giá của giảng viên phản biện + điểm trung bình của từng thành viên trong Hội đồng bảo vệ và đánh giá đồ án/Khoá luận tốt nghiệp (trường hợp trong Hội đồng bảo vệ và đánh giá đồ án/Khoá luận tốt nghiệp có thành viên là giáo viên hướng dẫn và giáo viên phản biện thì những thành viên này không tham gia chấm điểm). Điểm học phần đồ án/Khoá luận tốt nghiệp làm tròn đến một chữ số thập phân và được tính theo công thức sau:

$$\text{Điểm ĐA/KLTN} = \frac{(\text{Điểm GVHV} + \text{Điểm GVPB} + \text{Điểm TBHĐ})}{3}$$

Trong đó:

- Điểm GVHD: Điểm của giảng viên hướng dẫn
- Điểm GVPB: Điểm của giảng viên phản biện
- Điểm TBHĐ: Điểm trung bình cộng của từng thành viên trong Hội đồng

4. Sinh viên có đồ án, khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại đồ án, khóa luận tốt nghiệp để đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy chế hiện hành”.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học hoặc trong đợt thi, phải viết đơn xin phép nghỉ học, nghỉ thi và gửi về Khoa đào tạo để tổng hợp trong vòng một tuần kể từ ngày nghỉ ốm (kèm theo giấy chứng nhận của cơ quan y tế trường, hoặc y tế địa phương hoặc của bệnh viện). Các Khoa tổng hợp ký duyệt đơn của sinh viên đơn

xin nghỉ ốm, minh chứng của sinh viên kèm theo và gửi về Phòng Đào tạo để xem xét xử lý theo quy định. Sinh viên nghỉ học, nghỉ thi do thiên tai dịch bệnh viết đơn xin nghỉ học, nghỉ thi gửi về Phòng Đào tạo để tổng hợp và tham mưu cho Hiệu trưởng quyết định cho phép sinh viên được học và thi theo quy định phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo quyền lợi cho sinh viên.

16. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

1. Trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo trong nước

a. Việc trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo được thực hiện trên cơ sở quy định về công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ làm căn cứ cho phép sinh viên của Nhà trường được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

b. Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác, nếu được Hiệu trưởng của hai trường đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

c. Trong hợp tác đào tạo giữa hai trường, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

d. Việc trao đổi sinh viên, hợp tác trong đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo phải thực hiện việc công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

2. Liên kết đào tạo với nước ngoài

a. Liên kết đào tạo trực tiếp được triển khai tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo thực hiện thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến.

b. Liên kết đào tạo trực tuyến bảo đảm trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến.

c. Liên kết đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến bảo đảm từ trên 30% đến 50% tổng khối lượng của CTĐT được thực hiện thông qua hệ thống đào tạo trực tuyến.

d. Giảng viên đang giảng dạy chương trình đào tạo tương ứng của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài chủ trì và chịu trách nhiệm tổ chức giảng dạy không ít hơn 25% tổng khối lượng của chương trình liên kết đào tạo.

e. Việc tổ chức thực hiện công tác liên kết đào tạo với nước ngoài phải thực hiện tuân thủ theo đúng quy trình, quy định. Phòng Đào tạo tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng và ban hành quy định tổ chức và quản lý việc liên kết đào tạo với nước ngoài đảm bảo theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Nghị định của Chính

phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan; bảo đảm minh bạch, thống nhất và liên thông với hệ thống quản lý hoạt động chung trong công tác đào tạo của Nhà trường.

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 35 như sau:

“1. Căn cứ Quy chế này và các quy định hiện hành khác có liên quan, Phòng Đào tạo có trách nhiệm xây dựng các Quy định: Quy định công nhận chuyển đổi điểm cho người học; Quy định điều kiện, hình thức, thời gian làm đồ án/khoá luận tốt nghiệp; các mẫu biểu phục vụ quản lý đào tạo và các quy định khác (nếu có) đảm bảo theo đúng Quy chế đào tạo và phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường.

4. Phòng Thanh tra & ĐBCL có trách nhiệm rà soát xây dựng Quy định tổ chức thi kết thúc học phần và chủ động tổ chức công tác thanh tra nội bộ việc thực hiện công tác tổ chức đào tạo và các nhiệm vụ khác có liên quan đến đào tạo”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng, Phụ trách các đơn vị trong toàn trường căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT (04).



TS. Hoàng Hùng Thắng